CÔNG TY TNHH DV & TM VÂN NAM
Địa chỉ : Lô A7-11/1 (KĐT Chí Linh), P.Nguyễn An Ninh, TP.Vũng Tàu
Tel : (84) 643.616.356 Fax : (84) 643.616.309
Facebook : www.facebook.com/vungtauworks.com.vn
Website : http://Vungtauworks.com.vn
Professional Contractor Supply Manpower

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP CHẤM CÔNG NHÀ THẦU PHỤ THÁNG 06 - NĂM 2020

BỘ PHẬN SỬ DỤNG: XƯỞNG THIẾT BỊ TỔNG HỢP

Stt	Mã NV	Họ Và	Tên	Chức danh công việc	Quy ra công để làm lương					Tổng công	Nghỉ			CV	Số giờ làm thêm			THÁNG 06/2020																											
					Số ngày làm việc													T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3
					CTY	SVDN	GLF	LQJK	LPC		KL	KP	CD40		NT	NN	L	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Công Nhân Vận hành Cẩu Tháp					**-**	**5.00**	**42.00**	**-**	**-**	**47.00**	**-**	**-**	**-**	**5.00**	**5.00**	**32.00**	**-**																															
1	VN000004	Nguyễn Văn	Ban	Công nhân Vận hành Cẩu tháp	-	3.00	20.00	-	-	**23.00**	-	-	-	3.00				GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		SVDN	GLF	GLF	SVDN	SVDN	CV		CV	CV
									-					-	**1.00**	**16.00**	**-**			**1GLF**				**8GLF**													**8GLF**								
2	VN002238	Trần Danh	Chiến	Công nhân Vận hành Cẩu tháp	-	2.00	22.00	-	-	**24.00**	-	-	-	2.00				GLF	GLF	GLF	GLF	SVDN	SVDN		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		CV	CV
									-					-	**4.00**	**16.00**	**-**							**8SVDN**				**4GLF**									**8GLF**								
Nhóm trưởng Bảo dưỡng Sửa chữa					**125.50**	**-**	**3.00**	**-**	**-**	**128.50**	**-**	**-**	**-**	**-**	**3.50**	**4.00**	**-**																															
1	VN002214	Thạch Ngọc	Hoá	Nhóm trưởng bảo dưỡng sửa chữa	24.00	-	2.00	-	-	**26.00**	-	-	-	-				CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	GLF	CTY	CTY		CTY	GLF	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY
									-					-	-	-	-																												
2	VN002215	Nguyễn Thành	Thu	Nhóm trưởng bảo dưỡng sửa chữa	25.50	-	-	-	-	**25.50**	-	-	-	-				CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		4CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY
									-					-	-	-	-																												
3	VN002322	Cáp Duy	Bình	Nhóm trưởng bảo dưỡng sửa chữa	25.00	-	1.00	-	-	**26.00**	-	-	-	-				CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	GLF	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY
									-					-	**3.50**	**4.00**	**-**							**4CTY**														**3.5CTY**								
4	VN002671	Nguyễn Văn	Thuận	Nhóm trưởng bảo dưỡng sửa chữa	25.00	-	-	-	-	**25.00**	-	-	-	-				CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	4CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	4CTY	CTY	CTY		CTY	CTY
									-					-	-	-	-																												
5	VN002467	Lương Quốc	Dũng	Nhóm trưởng bảo dưỡng sửa chữa	26.00	-	-	-	-	**26.00**	-	-	-	-				CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY
									-					-	-	-	-																												
Công Nhân Móc cáp					**35.50**	**97.00**	**206.50**	**42.50**	**13.00**	**394.50**	**16.00**	**-**	**-**	**25.00**	**66.00**	**249.50**	**-**																															
1	VN002195	Vũ Văn	Thái	Công nhân Móc cáp	-	7.00	16.00	3.00	-	**26.00**	-	-	-	-				SVDN	SVDN	SVDN	GLF	GLF	GLF		SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	LQJK		LQJK	LQJK
									-					-	-	**20.50**	-							**4.5GLF**							**8GLF**							**8GLF**								
2	VN002196	Lê Văn	Tuấn	Công nhân Móc cáp	2.00	3.00	17.00	1.00	-	**23.00**	-	-	-	3.00				GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	SVDN		LQJK	SVDN	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	SVDN	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	CTY	CTY	CV		CV	CV
									-					-	**12.50**	**23.00**	**-**					**3GLF**		**8SVDN**		**3SVDN**				**8GLF**		**4SVDN**	**2.5GLF**				**7GLF**								
3	VN002198	Nguyễn Thế	Vũ	Công nhân Móc cáp	-	10.00	10.00	3.00	2.00	**25.00**	1.00	-	-	-				GLF	GLF	KL	GLF	SVDN	GLF		GLF	GLF	SVDN	GLF	GLF	GLF		GLF	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN		LPC	SVDN	SVDN	SVDN	LQJK	LQJK		LQJK	LPC
									-					-	-	**16.00**	-													**8GLF**							**8SVDN**								
4	VN002269	Trịnh Văn	Thoáng	Công nhân Móc cáp	-	2.00	12.00	5.00	6.00	**25.00**	-	-	-	1.00				GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	SVDN	GLF	GLF		SVDN	LPC	LPC	LPC	LPC	LPC		LPC	LQJK	LQJK	LQJK	GLF	LQJK		LQJK	CV
									-					-	-	**24.00**	-							**8GLF**							**8GLF**							**8LPC**								
5	VN002286	Quách Ngọc	Lân	Công nhân Móc cáp	-	3.00	20.00	3.00	-	**26.00**	-	-	-	-				GLF	SVDN	SVDN	SVDN	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	LQJK		LQJK	LQJK
									-					-	-	**16.00**	-							**8GLF**													**8GLF**								
6	VN002374	Tăng Bửu	Thọ	Công nhân Móc cáp	-	-	23.00	-	-	**23.00**	-	-	-	3.00				GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	CV		CV	CV
									-					-	-	**14.00**	-							**6GLF**													**8GLF**								
7	VN002375	Trần Thanh	Trí	Công nhân Móc cáp	-	-	22.00	1.00	3.00	**26.00**	-	-	-	-				GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	LQJK	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	LPC		LPC	LPC
									-					-	**4.00**	**24.00**	**-**							**8GLF**							**8GLF**							**8GLF**			**4GLF**					
8	VN002396	Nguyễn Văn	Đức	Công nhân Móc cáp	1.00	10.00	9.00	4.00	-	**24.00**	2.00	-	-	-				SVDN	CTY	LQJK	GLF	LQJK	SVDN		LQJK	LQJK	GLF	SVDN	SVDN	KL		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	KL		GLF	GLF	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN		SVDN	SVDN
									-					-	-	-	-																												

Stt	Mã NV	Họ Và	Tên	Chức danh công việc	Quy ra công để làm lương					Tổng công	Nghỉ			CV	Số giờ làm thêm			THÁNG 06/2020																											
					Số ngày làm việc													T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3
					CTY	SVDN	GLF	LQJK	LPC		KL	KP	CD40		NT	NN	L	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
9	VN002397	Nguyễn Thành	Trung	Công nhân Móc cáp	-	2.00	20.00	-	-	**22.00**	1.00	-	-	3.00				GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		SVDN	SVDN	GLF	KL	GLF	CV		CV	CV
									-					-	-	**13.50**	-						**6GLF**													**7.5GLF**								
10	VN002450	Trần Hoàng	Long	Công nhân Móc cáp	19.50	1.00	2.00	1.00	-	**23.50**	2.00	-	-	-				CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	6CTY	KL	CTY	CTY	CTY		CTY	6CTY	CTY	CTY	KL	CTY		CTY	SVDN	GLF	LQJK	GLF	CTY		CTY	CTY
									-					-	-	-	-																												
11	VN002452	Nguyễn Văn	Chiến	Công nhân Móc cáp	-	9.50	-	8.50	2.00	**20.00**	2.00	-	-	3.00				LQJK	LQJK	4LQJK	SVDN	4SVDN	SVDN		SVDN	SVDN	KL	SVDN	SVDN	LPC		SVDN	LPC	SVDN	SVDN	KL	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	CV		CV	CV
									-					-	-	-	-																												
12	VN002733	Nguyễn Ngọc	Hiền	Công nhân Móc cáp	2.00	5.00	14.00	2.00	-	**23.00**	1.00	-	-	3.00				GLF	SVDN	GLF	GLF	GLF	SVDN		GLF	GLF	GLF	CTY	CTY	GLF		GLF	GLF	GLF	KL	SVDN	SVDN	SVDN	LQJK	LQJK	GLF	GLF	GLF	CV		CV	CV
									-					-	**10.00**	**11.50**	-				**3GLF**		**8SVDN**												**3.5SVDN**	**3.5SVDN**	**3.5SVDN**								
13	VN002734	Nguyễn Minh	Lộc	Công nhân Móc cáp	2.00	5.00	7.00	2.00	-	**16.00**	5.00	-	-	-				CTY	GLF	SVDN	GLF	SVDN	SVDN		SVDN	SVDN	GLF	GLF	GLF	GLF		KL	CTY	KL	KL	KL	KL		LQJK	LQJK	GLF						
									-					-	**3.00**	**16.00**	-						**8SVDN**	**3SVDN**						**8GLF**															
14	VN002735	Phan Cu	Đen	Công nhân Móc cáp	7.00	10.25	3.00	1.00	-	**21.25**	1.00	-	-	3.00				GLF	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN		SVDN	SVDN	SVDN	CTY	CTY	CTY		GLF	CTY	CTY	GLF	2SVDN	KL		SVDN	SVDN	LQJK	CTY	CTY	CV		CV	CV
									-					-	**15.00**	**16.00**	-		**2SVDN**				**8SVDN**	**3SVDN**	**3SVDN**					**8CTY**							**3.5SVDN**	**3.5SVDN**							
15	VN002736	Huỳnh Thái	Bình	Công nhân Móc cáp	2.00	6.00	12.50	2.00	-	**22.50**	-	-	-	3.00				GLF	CTY	LQJK	GLF	GLF	GLF		SVDN	SVDN	SVDN	CTY	SVDN	SVDN		GLF	SVDN	GLF	GLF	LQJK	GLF		GLF	GLF	4GLF	GLF	GLF	CV		CV	CV
									-					-	**11.00**	**19.50**	-						**8GLF**	**3SVDN**							**4SVDN**	**2.5GLF**					**11.5GLF**				**1.5GLF**				
16	VN002737	Phạm Duy	Thanh	Công nhân Móc cáp	-	16.25	4.00	3.00	-	**23.25**	1.00	-	-	2.00				GLF	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN		SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	KL	SVDN	**2SVDN**	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN		LQJK	LQJK	GLF	GLF	GLF	LQJK		CV	CV
									-					-	**10.50**	**19.50**	-			**3.5SVDN**			**8SVDN**												**3.5SVDN**	**3.5SVDN**	**11.5GLF**								
17	VN002966	Hoàng Tuấn	Sơn	Công nhân Móc cáp	-	7.00	15.00	3.00	-	**25.00**	-	-	-	1.00				GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	SVDN		SVDN	LQJK	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	SVDN	SVDN	GLF	SVDN	SVDN		LQJK	GLF	GLF	GLF	GLF	LQJK		CV	SVDN
									-					-	-	**16.00**	-						**8SVDN**													**8SVDN**								
Công nhân Vận hành Máy phát điện/Máy nén khí/Thiết bị Thủy lực					**5.00**	**17.00**	**43.00**	**2.00**	**-**	**67.00**	**2.00**	**-**	**-**	**9.00**	**-**	**43.50**	**-**																													
1	VN002258	Nguyễn Văn	Khuân	Công nhân Vận hành Máy phát điện/Máy nén khí/Thiết bị Thủy lực	4.00	12.00	5.00	1.00	-	**22.00**	1.00	-	-	3.00				SVDN	SVDN	SVDN	CTY	SVDN	SVDN		SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN		CTY	CTY	CTY	GLF	LQJK	SVDN		GLF	GLF	GLF	GLF	KL	CV		CV	CV
									-					-	-	**17.00**	-						**8SVDN**													**9SVDN**								
2	VN002259	Mai Văn	Tý	Công nhân Vận hành Máy phát điện/Máy nén khí/Thiết bị Thủy lực	1.00	-	21.00	1.00	-	**23.00**	-	-	-	3.00				GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	CTY	LQJK		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	CV		CV	CV
									-					-	-	**18.50**	-						**9.5GLF**													**9LQJK**								
3	VN002339	Huỳnh Ngọc	Sơn	Công nhân Vận hành Máy phát điện/Máy nén khí/Thiết bị Thủy lực	-	5.00	17.00	-	-	**22.00**	1.00	-	-	3.00				GLF	GLF	GLF	KL	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	CV		CV	CV
									-					-	-	**8.00**	-													**8GLF**															
Công Nhân VH xe tải cẩu 2.5 tấn -5 tấn					**-**	**1.00**	**22.00**	**-**	**3.00**	**26.00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**8.00**	**-**																													
1	VN000712	Trần Văn	Hiền	Công nhân VH Lái xe tải cẩu 2.5 - 5 tấn	-	1.00	22.00	-	3.00	**26.00**	-	-	-	-				GLF	GLF	LPC	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	SVDN	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		LPC	LPC
									-					-	-	**8.00**	-													**8GLF**															
Công Nhân Dịch Vụ Bãi					**86.00**	**9.00**	**38.00**	**12.00**	**4.00**	**149.00**	**6.00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**24.00**	**-**																													
1	VN002241	Đặng Khánh	Nam	Công Nhân Dịch Vụ Bãi	-	-	-	-	-	**-**	-	-	-	-																															
									-					-	-	-	-																												
2	VN002469	Ngô Huy	Hoàng	Công Nhân Dịch Vụ Bãi	14.00	1.00	-	5.00	1.00	**21.00**	4.00	-	-	-				CTY	4CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	KL		4CTY	KL	KL	KL	CTY	CTY		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LPC		SVDN	CTY
									-					-	-	-	-																												
3	VN002470	Nguyễn Đình	Đức	Công Nhân Dịch Vụ Bãi	1.00	8.00	13.00	1.00	3.00	**26.00**	-	-	-	-				GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		LPC	LPC	LPC	GLF	CTY	SVDN		GLF	GLF	LQJK	GLF	GLF	GLF		GLF	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN		SVDN	SVDN
									-					-	-	**8.00**	-													**8SVDN**															

Stt	Mã NV	Họ Và	Tên	Chức danh công việc	Quy ra công để làm lương – Số ngày làm việc					Tổng công	Nghỉ			CV	Số giờ làm thêm			THÁNG 06/2020																													
					CTY	SVDN	GLF	LQJK	LPC		KL	KP	CD40		NT	NN	L	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3
																		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
4	VN002498	Đỗ Đình	Vũ	Công Nhân Dịch Vụ Bãi	19.00	-	2.00	4.00	-	**25.00**	1.00	-	-	-				CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		LQJK	LQJK	GLF	LQJK	LQJK	GLF		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	KL		CTY	CTY
									-					-	-	-	-																														
5	VN002519	Đặng Minh	Quân	Công Nhân Dịch Vụ Bãi	11.00	-	12.00	2.00	-	**25.00**	1.00	-	-	-				GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		KL	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		LQJK	LQJK
									-					-	-	-	-																														
6	VN002672	Phạm Văn	Duy	Công Nhân Dịch Vụ Bãi	26.00	-	-	-	-	**26.00**	-	-	-	-				CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY
									-					-	-	**8.00**	-																					**8CTY**									
7	VN002673	Trịnh Minh	Giàu	Công Nhân Dịch Vụ Bãi	15.00	-	11.00	-	-	**26.00**	-	-	-	-				CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		CTY	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		CTY	CTY	CTY	CTY	CTY	CTY		CTY	CTY
									-					-	-	**8.00**	-							**8CTY**																							
Công Nhân Vận Hành Máy Cắt CNC/CC, Máy chế tạo dầm					**-**	**18.50**	**31.00**	**-**	**-**	**49.50**	**1.00**	**-**	**-**	**1.00**	**-**	**8.00**	**-**																														
1	VN002287	Vũ Tuấn	Dương	Công nhân Vận Hành Máy Cắt CNC/CC	-	10.00	15.00	-	-	**25.00**	1.00	-	-	-				GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	SVDN	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	KL	SVDN		SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN		SVDN	SVDN
									-					-	-	**8.00**	-							**8GLF**																							
2	VN002417	Nguyễn Ngọc	Dũng	Công nhân Vận hành Máy cắt CNC/CC	-	8.50	16.00	-	-	**24.50**	-	-	-	1.00				GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	SVDN	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	SVDN		SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN		4SVDN	CV
									-					-	-	-	-																														
Công Nhân Vận Hành Xe Nâng 5 tấn/7 tấn					**1.00**	**42.00**	**31.00**	**23.00**	**28.00**	**125.00**	**2.00**	**-**	**-**	**3.00**	**4.50**	**88.50**	**-**																														
1	VN002392	Trần Xuân	Khanh	Công nhân Vận hành Xe nâng 5 tấn/7 tấn	-	6.00	17.00	1.00	1.00	**25.00**	1.00	-	-	-				GLF	GLF	SVDN	GLF	GLF	SVDN		SVDN	SVDN	SVDN	KL	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	LPC		SVDN	LQJK
									-					-	-	**16.00**	-							**8SVDN**														**8GLF**									
2	VN002432	Hoàng Văn	Tú	Công nhân Vận hành Xe nâng 5 tấn/7 tấn	-	23.00	3.00	-	-	**26.00**	-	-	-	-				SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	GLF		SVDN	GLF	GLF	SVDN	SVDN	SVDN		SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN		SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN		SVDN	SVDN
									-					-	-	**16.00**	-							**8GLF**														**8SVDN**									
3	VN002524	Lê Minh	Trí	Công nhân Vận hành Xe nâng 5 tấn/7 tấn	1.00	10.00	11.00	-	4.00	**26.00**	-	-	-	-				GLF	GLF	GLF	GLF	SVDN	GLF		GLF	GLF	GLF	LPC	LPC	LPC		LPC	SVDN	GLF	GLF	SVDN	SVDN		GLF	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN	SVDN		CTY	SVDN
									-					-	**4.50**	**24.50**	-							**8GLF**							**8.5LPC**					**4.5SVDN**		**8SVDN**									
4	VN002602	Trần Đông	Anh	Công nhân Vận hành Xe nâng 5 tấn/7 tấn	-	3.00	-	-	23.00	**26.00**	-	-	-	-				SVDN	SVDN	SVDN	LPC	LPC	LPC		LPC	LPC	LPC	LPC	LPC	LPC		LPC	LPC	LPC	LPC	LPC	LPC		LPC	LPC	LPC	LPC	LPC	LPC		LPC	LPC
									-					-	-	**24.00**	-							**8LPC**							**8LPC**							**8LPC**									
5	VN002603	Nguyễn Văn	Tú	Công nhân Vận hành Xe nâng 5 tấn/7 tấn	-	-	-	22.00	-	**22.00**	1.00	-	-	3.00				LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	KL	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	CV		CV	CV
									-					-	-	**8.00**	-														**8LQJK**																
6	VN002674	Phạm Quốc	Hải	Công nhân Vận hành Xe nâng 5 tấn/7 tấn	-	-	-	-	-	**-**	-	-	-	-																																	
									-					-	-	-	-																														
Công Nhân Vận Hành Cổng trục					**4.00**	**10.00**	**21.00**	**5.00**	**3.00**	**43.00**	**6.00**	**-**	**-**	**3.00**	**2.00**	**40.00**	**-**																														
1	VN002337	Lương Triều	Vỹ	Công nhân Vận Hành Cổng trục	-	7.00	12.00	3.00	2.00	**24.00**	-	-	-	2.00				GLF	LQJK	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	SVDN	LQJK	LQJK	LPC		SVDN	LPC	GLF	SVDN	GLF	GLF		GLF	SVDN	GLF	SVDN	SVDN	SVDN		CV	CV
									-					-	-	**24.00**	-							**8GLF**							**8LPC**							**8GLF**									
2	VN002667	Dương Văn	Trung	Công nhân Vận Hành Cổng trục	-	-	-	-	-	**-**	-	-	-	-																																	
									-					-	-	-	-																														
3	VN002669	Võ Đức	Phương	Công nhân Vận Hành Cổng trục	4.00	3.00	9.00	2.00	1.00	**19.00**	6.00	-	-	1.00				LQJK	GLF	GLF	CTY	GLF	GLF		GLF	GLF	CTY	CTY	GLF	GLF		KL	KL	KL	KL	KL	KL		SVDN	SVDN	GLF	SVDN	LPC	LQJK		CTY	CV
									-					-	**2.00**	**16.00**	-							**8GLF**				**2CTY**			**8GLF**																
Công nhân Vận hành Cầu 70 tấn					**3.00**	**5.00**	**34.00**	**2.00**	**3.00**	**47.00**	**4.00**	**-**	**-**	**2.00**	**10.00**	**16.00**	**-**																														
1	VN002381	Nguyễn Thanh	Lâm	Công nhân Vận hành Cầu 70 tấn	-	2.00	18.00	1.00	-	**21.00**	4.00	-	-	2.00				GLF	KL	GLF	GLF	GLF	SVDN		KL	KL	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	LQJK	GLF	GLF	GLF	GLF		KL	GLF	GLF	GLF	GLF	SVDN		CV	CV
									-					-	**1.50**	**8.00**	-				**1.5GLF**																	**8GLF**									

Stt	Mã NV	Họ Và	Tên	Chức danh công việc	Quy ra công để làm lương					Tổng công	Nghỉ			CV	Số giờ làm thêm			THÁNG 06/2020																													
					Số ngày làm việc										NT	NN	L	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	CN	T.2	T.3
					CTY	SVDN	GLF	LQJK	LPC		KL	KP	CD40					01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
2	VN002740	Lê Ngọc	Quốc	Công nhân Vận hành Cẩu 70 tấn	3.00	3.00	16.00	1.00	3.00	26.00	-	-	-	-				CTY	SVDN	SVDN	SVDN	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	CTY	CTY	GLF		GLF	GLF	LQJK	GLF	GLF	LPC		LPC	LPC
									-					-	8.50	8.00	-											2GLF										8GLF		1.5GLF	4LQJK	1GLF					
Công nhân Vận hành Xe tải 40 tấn					**1.00**	**8.25**	**7.50**	**7.00**	**1.00**	**24.75**	**-**	**-**	**-**	**-**	**2.00**	**-**	**-**																														
1	VN002379	Lê Quang	Toàn	Công nhân Vận hành Xe tải 40 tấn	1.00	8.25	7.50	7.00	1.00	24.75	-	-	-	-				SVDN	SVDN	SVDN	LPC	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	SVDN	4SVDN	SVDN		SVDN	6SVDN	CTY	GLF	4GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	LQJK		LQJK	SVDN
									-					-	2.00	-	-																											2LQJK			
Công nhân điện/ Điện lạnh					**-**	**-**	**29.00**	**20.00**	**-**	**49.00**	**1.00**	**-**	**-**	**3.00**	**-**	**48.00**	**-**																														
1	VN002600	Võ Văn	Phương	Công nhân Điện	-	-	23.00	-	-	23.00	1.00	-	-	3.00				GLF	GLF	GLF	KL	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	CV		CV	CV
									-					-	-	16.00	-														8GLF							8GLF									
2	VN002622	Trần Văn	Huân	Công nhân Điện	-	-	6.00	20.00	-	26.00	-	-	-	-				GLF	GLF	GLF	GLF	GLF	GLF		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK	LQJK		LQJK	LQJK
									-					-	-	32.00	-							8GLF							8LQJK							8LQJK							8LQJK		
3	VN002967	Hoàng Tiến	Dũng	Công nhân Điện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-																																	
									-					-	-	-	-																														
	Tổng công				**261.00**	**212.75**	**508.00**	**113.50**	**55.00**	**1,150.25**	**38.00**	**-**	**-**	**51.00**	**93.00**	**561.50**	**-**																														

Mọi thắc mắc vui lòng phản hồi trước 17h ngày 08/07/2020. Nếu trước thời gian trên không phản hồi, chúng tôi không chịu trách nhiệm./.

- BĐ: Dự án biển đông

- HS: Dự án hải sư trắng đen

- TL: Dự án Thanh long đông đô

- B: Làm việc trên biển

- P: Nghỉ không lương có xin phép

- KP: Nghỉ không xin phép (nghỉ không lý do)